

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 190/2019/HSPT
Ngày 26 - 6 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết.

Ông Y Thông Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/HSPT ngày 17/5/2019 đối với bị cáo Phạm Thanh T sinh năm 1995, bị cáo Nguyễn Ngọc H sinh năm 1993, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HSST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thanh T (tên gọi khác: C)– sinh năm: 1995; Nơi sinh: huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phạm Thanh M, sinh năm: 1958 và con bà Phạm Thị C, sinh năm: 1957; bị cáo chưa có vợ con, hiện bố mẹ bị cáo trú tại: Thôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án theo bản án số 24/2016/HSPT ngày 20/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai tuyên phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/05/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Ngọc H (tên gọi khác: HĐ) – sinh năm: 1993; Nơi sinh: huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1963 và con bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1971; bị cáo chưa có vợ con. Hiện nay bố mẹ bị cáo đang cư trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án: 02 tiền án.

- Tiền án thứ nhất: Bản án số 41/2013/HSST ngày 06/02/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tuyên phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản” (đã chấp hành xong thời gian thử thách vào ngày 17/7/2017).

- Tiền án thứ hai: Bản án số 187/2018/HSST ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương tuyên phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Nhân thân: Tại bản án số 97/2013/HSST ngày 09/4/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tuyên phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đã chấp hành xong và thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Đắk Plao, tỉnh Đắk Nông theo bản án số 187/2018/HSST ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/10/2017 ông Nguyễn Văn Đ cùng bạn gái là chị Đặng Thị H1 thuê phòng số 5 và ông Nguyễn Văn K thuê phòng số 3 của Nhà nghỉ S thuộc Tổ dân phố B, thị trấn E, E, Đắk Lắk do bà Hồ Thị T2 làm chủ. Ngày 07/10/2017, ông Nguyễn Văn Đ, chị Đặng Thị H1, ông Nguyễn Văn K và Phạm Thanh T cùng nhiều người khác đi chơi tại thôn M, xã E, huyện E, Đắk Lắk thì ông Đ có nói chị H1, ông K về phòng trọ lấy tiền nên T biết ông Đ có tiền cất giấu tại Nhà nghỉ S và nảy sinh ý định trộm cắp tiền của ông Đ. Khoảng 01 giờ ngày 09/10/2017 Phạm Thanh T rủ Nguyễn Ngọc H trộm cắp tiền của ông Đ, H đồng ý và cả hai đã bàn bạc, lên kế hoạch trộm cắp tiền của ông Đ tại phòng số 4 nhà nghỉ S. Khoảng 08 giờ cùng ngày, T và H đến quán cà phê N ở Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk bàn bạc lên kế hoạch tiếp cho việc trộm cắp tiền của ông Đ, cụ thể: H ở

phòng trọ số 4 Nhà nghỉ S để chờ thời cơ thích hợp cạy cửa, đột nhập vào phòng số 5 của ông Đ lấy trộm tiền, T có nhiệm vụ tung tin H đi tỉnh Gia Lai nhằm tạo chứng cứ ngoại phạm, đồng thời chuẩn bị các công cụ cần thiết cho H gây án và giám sát, theo dõi ông Đ để thông báo cho H biết. Đến khoảng 10 giờ ngày 09/10/2017, H về ở lại phòng số 4 của T, còn T khóa cửa (*khóa nắm đấm*) đi ra ngoài. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T quay về Nhà nghỉ S gặp bà Hồ Thị T2 nói với bà T2 là H đã đi tỉnh Gia Lai, tiếp đó T vào phòng đưa cho H đôi găng tay, khăn bịt mặt để H sử dụng trong quá trình gây án rồi T tiếp tục đi ra ngoài. Khoảng 20 giờ 30 cùng ngày, T về phòng đưa cho H chiếc điện thoại di động của T để liên lạc. Sau đó, T đi chơi cùng với ông Đ, chị H1, anh Ngô Đình H2 và một số người khác tại nhà ông Nguyễn Đức B. T đi theo giám sát ông Đ và thông báo cho H biết. Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 20 đến 22 giờ 30 ngày 09/10/2017, T mượn máy điện thoại của anh H2 nhắn cho H nhiều tin nhắn với nội dung là “Đ đã vào sông bạc, lấy tiền đi”. Khoảng 01 giờ ngày 10/10/2017, H tiếp tục nhận được tin nhắn của T với nội dung “Đ cùng T và một số người khác lên thành phố B chơi, bạn làm đi”. Sau đó, H đeo găng tay, bịt mặt rồi đi ra nhà tắm chung của Nhà nghỉ S lấy 01 móc phơi quần áo bằng kim loại rồi bẻ thành nhiều đoạn. Tiếp đó, H đến cửa sổ phòng số 5 của ông Đ, sử dụng đoạn kim loại cạy mở chốt cửa sổ, trèo vào phòng và đóng cửa sổ lại. H dùng đèn pin của điện thoại di động soi thì phát hiện 01 ba lô của ông Đ để trên đầu giường, H mở ba lô thấy có 06 (sáu) cọc tiền được buộc bằng dây thun giấu trong chiếc quần Jean. H lấy hết số tiền của ông Đ rồi đi ra bằng cửa chính (*khóa nắm đấm*), trở về phòng trọ của T, bỏ tiền vào túi xách rồi leo tường rào phía sau Nhà nghỉ S ra ngoài. H đi đến quán cà phê Suối Mơ bỏ hoang thuộc Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vứt găng tay, khăn bịt mặt xuống suối rồi H đi bộ đến cổng Bệnh viện đa khoa khu vực 333, huyện E thuê xe taxi của anh Nguyễn Văn K chở lên thành phố B. Khi đến trước cổng siêu thị C, thành phố B thì H xuống xe. Sau đó, H gọi xe taxi khác (*không xác định chủ xe*) để chở đến nhà anh Nguyễn Quang Q (Sinh năm 1993, trú buôn K, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk). Trên đường đi, H lấy tiền ra kiểm tra thì thấy có 05 cọc tiền là loại mệnh giá 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng), mỗi cọc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và 01 cọc tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) gồm 100 tờ mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), 60 tờ mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), tổng cộng 06 cọc tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Khi gặp anh Quý, H đưa cho Q số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nhờ mua đồ dùng cá nhân, tiếp đó H mua tặng Q 01 đồng hồ đeo tay trị giá 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng) và trả nợ cho Q số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) thì anh Q sử dụng số tiền này chuộc xe mô tô biển số 47S1-074.58. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H mua xe mô tô biển số 47S1-074.58 của anh Q với giá 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) sử dụng làm phương tiện đi thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến thành phố Hồ Chí Minh, H liên lạc với T để hỏi về vụ việc trên thì T cho biết ông Đ báo

bị mất trộm số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), Công an đang điều tra. H nói với T chỉ lấy được của ông Đ số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và yêu cầu gặp T để chia tiền nhưng T không đồng ý do đang bị cơ quan Công an nghi vấn. Sau đó, H đã dùng số tiền còn lại là khoảng 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) chơi cá độ bóng đá qua mạng và bị thua hết và H bán luôn xe mô tô biển số 47S1-074.58 và đồng hồ cho một người không rõ nhân thân lai lịch ở thành phố Hồ Chí Minh lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản án số 09/2019/HSST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thanh T và bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ Điểm a, Khoản 3 Điều 173; điểm a, h khoản 1 Điều 52, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/5/2018.

Căn cứ điểm a Khoản 3 Điều 173; điểm a, h Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H09 (chín) năm tù.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt đối với bản án số 187/2018/HSST ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/12/2017.

Thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt tù của bản án trước sẽ được khấu trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 288; Điều 583; Điều 587; Điều 588 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Phạm Thanh T và bị cáo Nguyễn Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Văn Đ số tiền 300.000.000đ (trong đó theo phần là mỗi bị cáo phải chịu là 150.000.000 đồng/bị cáo). Bị cáo H được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng đã bồi thường trước theo biên lai thu tiền số AA/2010/0007607 ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

Trường hợp một trong hai bị cáo đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với bị hại thì có quyền yêu cầu người có nghĩa vụ liên đới còn lại phải thực hiện nghĩa vụ liên đới của họ đối với mình. Hoặc có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

• Ngày 22/4/2019 bị cáo Phạm Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin giảm mức bồi thường.

- Ngày 22/4/2019 bị cáo Nguyễn Ngọc H kháng cáo giảm nhẹ hình phạt tù.
- Ngày 25/4/2019, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ –KNPT đối với bản án hình sự sơ thẩm số 09/HSST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H và buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải bồi thường toàn bộ thiệt hại số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) cho anh Nguyễn Văn Đ.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu. Đồng thời vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Thanh T, bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 173 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét mức hình phạt 09 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo Phạm Thanh T là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đối với mức hình phạt 09 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H là có phần nhẹ, chưa tương xứng. Bởi lẽ: bị cáo H là đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực, bị cáo trực tiếp cạy cửa, đột nhập vào nhà để chiếm đoạt toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng và sau đó mang đi tiêu xài cá nhân hết. Vì vậy cần đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo H là ngang bằng hoặc cao hơn bị cáo T thì mới phù hợp. Do đó xét kháng nghị tăng hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận để tăng hình phạt tù đối với bị cáo H từ 09 năm 06 tháng đến 09 năm 09 tháng tù và tổng hợp với bản án số 187/2018/HSST ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị và một phần kháng cáo của bị cáo T, để giảm mức bồi thường cho bị cáo T, cần buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại nhiều hơn bị cáo T. Cụ thể bị cáo H bồi thường 2/3, bị cáo T bồi thường 1/3 trong tổng số tiền 300.000.000 đồng.

Riêng đối với phần kiến nghị của Viện kiểm sát huyện Ea Kar cho rằng Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không tổng hợp hình phạt đối với hai bản án áp dụng hình phạt tù nhưng cho

hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa bị cáo không tranh luận bào chữa gì thêm mà chỉ nói lời nói sau cùng, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định được các bị cáo Phạm Thanh T, Nguyễn Ngọc H cùng nhau lên kế hoạch, bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ để thực hiện hành vi phạm tội và đến khoảng 01 giờ ngày 10/10/2017 các bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản nên đã thực hiện hành vi lén lút để chiếm đoạt tài sản là tiền 300.000.000đ của ông Nguyễn Văn Đ. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã xét xử các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar thì thấy rằng: Bị cáo Phạm Thanh T là người khởi xướng, bị cáo Nguyễn Ngọc H là người thực hành tích cực, các bị cáo đã lên kế hoạch, chuẩn bị dụng cụ phương tiện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho nhau một cách tinh vi, chặt chẽ. Bị cáo T có nhiệm vụ theo dõi, đánh lạc hướng chủ sở hữu tài sản, để cho bị cáo H yên tâm thực hiện tội phạm. Sau khi bị biết chủ sở hữu không có mặt ở nhà, thì cáo H đã bẻ khóa cửa đột nhập vào nhà chiếm đoạt được tài sản và tẩu thoát, sau đó gọi điện cho bị cáo T để cùng chia tài sản, nhưng do bị cáo T đang bị công an theo dõi, không thực hiện được, nên một mình bị cáo đã tiêu xài hết toàn bộ số tiền chiếm đoạt. Các bị cáo đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức, tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm a, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy, xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của hai bị cáo là ngang nhau, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt 09 năm tù đối với bị cáo H là có phần nhẹ, chưa tương xứng với vai trò của bị cáo. Vì vậy cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, để tăng hình phạt đối với bị cáo H ngang bằng với bị cáo T thì mới phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định của pháp luật, sau khi kháng cáo cũng như tại phiên tòa hôm nay,

các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Về phần trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bị cáo H và bị cáo T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về số tiền do hành vi trộm cắp 300.000.000đ mà các bị cáo đã cùng nhau thực hiện là hoàn toàn có căn cứ. Bởi lẽ các bị cáo là đồng phạm có tổ chức, cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội và tội phạm đã hoàn thành ngay tại thời điểm mà các bị cáo chiếm đoạt được tài sản và đưa tài sản ra khỏi phạm vi quản lý của chủ sở hữu. Đồng thời trong vụ án này vai trò của các bị cáo được xác định là ngang nhau, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại theo mức mỗi bị cáo phải chịu $\frac{1}{2}$ trong tổng số tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy không có cơ sở để chấp kháng nghị về phần trách nhiệm dân sự của Viện kiểm sát huyện Ea Kar và kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh T, mà cần giữ nguyên phần trách nhiệm dân sự của bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HSST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar là phù hợp.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm a khoản 2 Điều 357; Điều Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk - Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HSST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Căn cứ Điểm a, Khoản 3 Điều 173; điểm a, h khoản 1 Điều 52, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Phạm Thanh T** 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/5/2018.

- Căn cứ điểm a Khoản 3 Điều 173; điểm a, h Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc H** 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự; Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 187/2018/HSST ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11

(mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/12/2017.

Thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt tù của bản án trước sẽ được khấu trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 288; Điều 583; Điều 587; Điều 588 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Phạm Thanh T và bị cáo Nguyễn Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Văn Đ số tiền 300.000.000đ (trong đó theo phần là mỗi bị cáo phải chịu là 150.000.000 đồng/bị cáo). Bị cáo H được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng đã bồi thường trước theo biên lai thu tiền số AA/2010/0007607 ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

Trường hợp một trong hai bị cáo đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với bị hại thì có quyền yêu cầu người có nghĩa vụ liên đới còn lại phải thực hiện nghĩa vụ liên đới của họ đối với mình. Hoặc có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự: Buộc bị cáo Phạm Thanh T phải chịu 7.500.000 đồng và bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu 7.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí hình sự: Buộc bị cáo Phạm Thanh T, bị cáo Nguyễn Ngọc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh